

Bản án số: 62/2024/DS-PT  
Ngày 10-12-2024  
V/v "Kiện đòi tài sản cho vay"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn.

*Các Thẩm phán:* Ông Chu Tuấn Vương;

Bà Đỗ Thị Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tạ Trung Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLPT-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc "Kiện đòi tài sản cho vay".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2024/QĐPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của bà L:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp A, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

**3. Người kháng cáo:** Bị đơn - bà Nguyễn Thị X.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Do quen biết và là hàng xóm của nhau nên bà có cho bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vay tiền, cụ thể: Ngày 05/6/2022 vay 160.000.000 đồng; Ngày 12/6/2022 vay 250.000.000 đồng; Ngày 26/6/2022 vay 110.000.000 đồng; Ngày 11/3/2023 vay nóng 60.000.000 đồng; Ngày 26/3/2023 vay nóng 50.000.000 đồng; Ngày 27/3/2023 vay nóng 30.000.000 đồng; Ngày 15/4/2023 vay nóng 100.000.000 đồng; Ngày 23/6/2023 vay nóng 30.000.000 đồng. Tổng số tiền bà X vay bà là 790.000.000 đồng, được thể hiện tại các Giấy nhận nợ đề tên Nguyễn Thị X. Bà L cho bà X vay với lãi suất 01%/01 tháng. Bà X trả đủ tiền lãi cho bà đến tháng 09/2023. Từ tháng 10/2023 bà X không trả lãi cho bà nữa. Do vậy bà L khởi kiện yêu cầu bà X phải trả bà 790.000.000 đồng tiền gốc còn tiền lãi tính theo lãi suất quá hạn của ngân hàng là 100.000.000 đồng. Số tiền bà cho bà X vay là tiền riêng của bà và bà chỉ cho một mình bà X vay. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu bà X phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho bà. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L rút yêu cầu đòi bà X trả lãi đối với toàn bộ khoản vay 790.000.000 đồng của bà X, chỉ yêu cầu bà X thanh toán cho bà khoản nợ gốc là 790.000.000 đồng.

***Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Nguyễn Thị X trình bày:***

Bà có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 790.000.000 đồng, bà L tính lãi là 72%/01 năm. Bà đã thanh toán đầy đủ tiền lãi cho bà L đến tháng 09/2023 với tổng số tiền lãi là 1.590.000.000 đồng, hình thức trả lãi là bà chỉ mang tiền sang trả tận tay cho bà L chứ không cho bà L ký xác nhận đã nhận tiền lãi của bà, tiền lãi quá tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng vì bà chỉ đồng ý trả lãi với lãi suất 10%/01 năm. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà X yêu cầu bà L cung cấp cho bà X tài liệu thể hiện số nợ gốc đã vay và yêu cầu bà L phải xác nhận số tiền lãi mà bà X đã trả cho bà L. Các khoản vay trên là do một mình bà vay, bà không sử dụng số tiền vay vào việc sinh hoạt gia đình.

***Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn Q là chồng bà Nguyễn Thị X trình bày:***

Ông không biết việc bà X vay nợ bà L, bà X không sử dụng khoản tiền đã vay bà L vào việc sinh hoạt của gia đình, ông không liên quan đến khoản vay của bà X với bà L.

**Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn H là chồng bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Ông không liên quan đến số tiền bà L cho bà X vay, số tiền bà L cho bà X vay là tiền riêng của bà L.

**Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 06/TB-TA ngày 11/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình đã quyết định:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 790.000.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi triệu đồng*).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà L số tiền nợ lãi đối với khoản tiền vay 790.000.000 đồng kể từ ngày 01/10/2023 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

3. Về án phí: Tuyên trả lại bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.800.000 đồng (*Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002688 ngày 24/6/2024. Bà Nguyễn Thị X phải nộp 35.600.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, quyền thi hành án cũng như quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

**Về kháng cáo:** Ngày 11/9/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

**Tại phiên toà phúc thẩm:**

Bà X rút yêu cầu kháng cáo về việc không có Kiểm sát viên tham gia phiên toà sơ thẩm, các yêu cầu kháng cáo còn lại giữ nguyên. Bà X nộp các tài liệu tại phiên toà và yêu cầu bà L phải làm rõ với Hội đồng xét xử các khoản tiền lãi bà X đã trả cho bà L.

Bà L không rút yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, làm rõ các khoản lãi đã nhận của bà X theo số tiền đã cho vay với lãi suất thoả thuận 12%/01 năm theo từng khoản vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà X về việc không có kiểm sát viên tham gia phiên toà sơ thẩm và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Kháng cáo của bà Nguyễn Thị X gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định; bà X đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên yêu cầu kháng cáo là hợp lệ, được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

#### **[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị X:**

[2.1] Tại phiên tòa, bà X rút yêu cầu kháng cáo vấn đề không có Kiểm sát viên tham gia phiên toà sơ thẩm, xét thấy yêu cầu kháng cáo này không liên quan đến nội dung vụ án mà liên quan đến trình tự tố tụng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Viện kiểm sát tham gia phiên toà sơ thẩm đối với những vụ án do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nhưng trong vụ án này Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không phải tham gia tố tụng. Bà X không còn ý kiến kháng cáo về vấn đề này nên HĐXX ghi nhận, không đặt ra xem xét phần kháng cáo này.

[2.2] Đối với vấn đề trả nợ tiền vay: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì thấy giữa bà L và bà X có diễn ra việc vay nợ với nhau. Lý do theo bà L khai do bà X là hàng xóm thân thiết, lại là bác sỹ

của Bệnh viện Y, cần tiền để cở phần xây dựng bệnh viện, thời gian đầu trả lãi sòng phẳng nên bà mới cho vay, cụ thể: Ngày 05/6/2022 bà X vay của bà L 160.000.000 đồng; Ngày 12/6/2022 bà X vay của bà L 250.000.000 đồng; Ngày 26/6/2022 bà X vay của bà L 110.000.000 đồng; Ngày 11/3/2023 bà X vay của bà L 60.000.000 đồng; Ngày 26/3/2023 bà X vay của bà L 50.000.000 đồng; Ngày 27/3/2023 bà X vay của bà L 30.000.000 đồng; Ngày 15/4/2023 bà X vay của bà L 100.000.000 đồng; Ngày 23/6/2023 bà X vay của bà L 30.000.000 đồng. Ngoài việc bà X đã ký vào giấy nhận nợ với bà L thì trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bà X còn thừa nhận còn nợ bà L tổng số 790.000.000 đồng tiền vay, đã trả đủ tiền lãi đến tháng 09/2023. Trong các giấy nhận nợ không ghi ngày phải trả nợ và lãi suất cho vay, có giấy hiện nay bà L đang bị thất lạc, chỉ còn bản photo nhưng bà X thừa nhận toàn bộ chữ ký trong sổ nhận nợ của bà L đều là chữ ký của bà. Bà X, bà L và ông Q (chồng bà X), ông H (chồng bà L) đều khai nhận việc bà L cho bà X vay riêng, không liên quan đến ông Q, ông H. Bà L và bà X đều thống nhất khai số tiền bà X đã vay của bà L đến thời điểm chốt nợ tháng 09/2023 là 790.000.000 đồng. Như vậy, xác định việc bà X vay nợ bà L nhiều lần với tổng số tiền 790.000.000 đồng là có thật, HĐXX xác định trong khoảng thời gian từ ngày 05/6/2023 đến 23/6/2023 bà X có vay bà L nhiều lần, tổng số tiền vay là 790.000.000 đồng mà chưa trả. Tại phiên toà phúc thẩm, bà X không thừa nhận các thời điểm vay và tại phần tranh luận, bà X ý kiến nếu bà L không thừa nhận bà X đã trả lãi vượt tiền gốc 800.000.000 đồng thì bà X cũng không thừa nhận còn nợ tiền gốc của bà L là 790.000.000 đồng. Ý kiến này của bà X không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[2.3] Đối với lời khai của bà X về việc bà đã trả lãi cho bà L với lãi suất 72%/01 năm, tổng tiền lãi đã trả cho bà L đến tháng 09/2023 là 1.590.000.000 đồng, hình thức trả lãi là bà chỉ mang tiền sang trả tận tay cho bà L chứ không cho bà L ký xác nhận đã nhận tiền lãi của bà, tiền lãi quá tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng vì bà chỉ đồng ý trả lãi với lãi suất 10%/01 năm/tổng số tiền nợ gốc. Bà L không thừa nhận. Theo bà L do giấy vay tiền không ghi lãi mà giữa hai bên thoả thuận miệng là trả lãi 01%/01 tháng theo số nợ gốc từng thời điểm vay nên bà X chỉ phải trả lãi là 01%/01 tháng/tổng số tiền vay, khi trả lãi thì bà X đưa tiền mặt

cho bà L, không ký nhận trên sổ sách vì lãi đến đâu được bà X trả sòng phẳng đến đó. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bà X cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh việc trả lãi trên nhưng các tài liệu do bà X cung cấp không có giá trị để chứng minh nên không có cơ sở để HĐXX chấp nhận. Việc bà X không trả nợ cho bà L là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 274 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L buộc bà X phải trả nợ cho bà L theo quy định tại các Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với việc bà Nguyễn Thị L rút yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà L số tiền nợ lãi đối với khoản nợ gốc 790.000.000 đồng tính từ tháng 10/2023 đến khi mở phiên tòa sơ thẩm là 100.000.000 đồng thì thấy: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị X phải thanh toán cho bà số tiền nợ lãi với mức lãi suất 01%/01 tháng đối với khoản vay 790.000.000 đồng từ ngày 01/10/2023 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án là 100.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bà L đã rút yêu cầu này, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là tự nguyện, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà L là đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Các yêu cầu kháng cáo khác của bà X không nằm trong phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên HĐXX phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích, đánh giá trên đây, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị X, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X.

[2] Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình:

[2.1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2.2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 790.000.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.*

[2.3] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà L số tiền nợ lãi đối với khoản tiền vay 790.000.000 đồng kể từ ngày 01/10/2023 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải nộp 35.600.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Nguyễn Thị L 17.800.000 đồng (*Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002688 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình..

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà X đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002746 ngày 13/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

*án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/12/2024./.

***Nơi nhận:***

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thúy Hoàn**